

Bản án số: 787/2019/DS-PT

Ngày: 06-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hà

Ông Hoàng Bích Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Lê Hải Lý, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 794/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3233/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6189/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: Tầng 2, số Y đường P, Phường B, quận PN, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tầng 2, số X đường C, Phường B, Quận B, Thành phố H - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 30187/2019/UQ-VPB, ngày 07/8/2019); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; địa chỉ: số A/B đường L, Phường T, quận TB, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V.Bank) và ông Bùi Mạnh L là người đại diện hợp pháp của V.Bank trình bày:

Ngày 27/6/2016, V.Bank và bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 20160627-101066-4097; theo đó, bà T vay số tiền 105.000.000 đồng (thực tế bà T chỉ nhận 100.000.000 đồng, còn số tiền 5.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận V.Bank sẽ mua bảo hiểm cho khoản vay), thời hạn vay 24 tháng, lãi suất là 30%/năm. Theo thỏa thuận, mỗi tháng bà T có nghĩa vụ trả cho V.Bank số tiền 5.894.821 đồng; trong đó, tiền nợ gốc: 3.269.821 đồng, tiền lãi: 2.625.000 đồng với thời hạn 24 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thanh toán được số tiền là 29.943.798 đồng, bao gồm: 16.933.423 đồng tiền nợ gốc và 13.010.375 đồng tiền nợ lãi. Kể từ ngày 02/12/2016 trở về sau, bà T ngưng không thanh toán nữa. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên V.Bank khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 88.066.577 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/11/2018 là 80.073.367 đồng, tổng cộng là 168.139.944 đồng. Đồng thời, V.Bank còn yêu cầu bà T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết từ ngày 30/11/2018 cho đến ngày thanh toán xong các khoản nợ.

* Bị đơn - bà Nguyễn Thị T - vắng mặt trong suốt các giai đoạn tố tụng của quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 794/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc còn thiếu 83.066.577 (tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng và tiền lãi 74.867.117 (bảy mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười bảy) đồng. Tổng tiền gốc và lãi 157.933.694 (một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi bốn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần V mua bảo hiểm cho khoản vay và tiền lãi phát sinh từ 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thanh toán, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/12/2018, nguyên đơn - V.Bank - kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T phải thanh toán số tiền 5.000.000 đồng mà nguyên đơn đã mua bảo hiểm cho khoản vay và tiền lãi phát sinh từ 5.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn - V.Bank - yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo nội dung kháng cáo.

- Bị đơn - bà Nguyễn Thị T - vắng mặt không rõ lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

+ Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Đối với nội dung kháng cáo: ngày 13/12/2018, cùng với việc nộp đơn kháng cáo, thì nguyên đơn có nộp kèm bản sao Văn bản số 176/2018/CV-VASS/TGD ngày 10/12/2018 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm V (Văn bản số 176) thể hiện bị đơn - bà Nguyễn Thị T, CMND số XYZ, ngày sinh: 01/01/1978 - có tham gia bảo hiểm Dư nợ tín dụng cá nhân tại Bảo hiểm V theo Thông tin bảo hiểm Dư nợ tín dụng cá nhân số 20160627-101066-4097 ngày 24/6/2016 và nguyên đơn - V.Bank - đã thay mặt bị đơn thanh toán cho Bảo hiểm V phí bảo hiểm 5.000.000 đồng vào ngày 11/7/2016. Chứng cứ mới này thể hiện nguyên đơn đã thay mặt bị đơn thanh toán cho Bảo hiểm V phí bảo hiểm 5.000.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận buộc bà T phải thanh toán số tiền 5.000.000 đồng mà nguyên đơn đã mua bảo hiểm cho khoản vay và tiền lãi phát sinh từ 5.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử phúc thẩm vắng mặt bị đơn: bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - V.Bank: nguyên đơn kháng cáo, cho rằng Bản án dân sự sơ thẩm số 794/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 5.000.000 đồng mua bảo hiểm cho khoản vay và tiền lãi phát sinh là chưa đảm bảo tính khách quan, chưa

đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2.1] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản tiền 5.000.000 đồng mua bảo hiểm cho khoản vay tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/11/2018. Do đó, việc nguyên đơn không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ về vấn đề này ngay tại phiên tòa sơ thẩm là có lý do chính đáng.

[2.2] Ngày 13/12/2018, cùng với việc nộp đơn kháng cáo, thì nguyên đơn có nộp kèm bản sao Văn bản số 176/2018/CV-VASS/TGD ngày 10/12/2018 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm V (Văn bản số 176) thể hiện bị đơn - bà Nguyễn Thị T - có tham gia bảo hiểm Dư nợ tín dụng cá nhân tại Bảo hiểm V theo Thông tin bảo hiểm Dư nợ tín dụng cá nhân số 20160627-101066-4097 ngày 24/6/2016 và nguyên đơn - V.Bank - đã thay mặt bị đơn thanh toán cho Bảo hiểm V phí bảo hiểm 5.000.000 đồng vào ngày 11/7/2016.

[2.3] Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm như sau:

Điều 287. Cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

1. Đương sự được quyền bổ sung tài liệu, chứng cứ sau đây trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm:

a) Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu giao nộp nhưng đương sự không cung cấp, giao nộp được vì có lý do chính đáng;

b) Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự giao nộp hoặc đương sự không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm.

Từ những quy định của pháp luật và các tình tiết như đã nêu, Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ thể hiện đã mua bảo hiểm 5.000.000 đồng cho khoản vay của bị đơn. Chứng cứ này là tình tiết mới phát sinh, chứng minh việc nguyên đơn đã thay mặt bị đơn thanh toán cho Bảo hiểm V phí bảo hiểm 5.000.000 đồng vào ngày 11/7/2016. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 5.000.000 đồng mua bảo hiểm cho khoản vay và tiền lãi phát sinh là có căn cứ.

Với những nhận định như trên, xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sửa án sơ thẩm về nội dung bị kháng cáo theo hướng đã phân tích. Việc sửa án sơ thẩm là do phát sinh tình tiết mới mà nguyên đơn giao nộp, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp. Đồng thời, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 794/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc và lãi vay (tạm tính đến ngày 29/11/2018) của Hợp đồng tín dụng số 20160627-101066-4097 ngày 27/6/2016 là 168.139.944 đồng (một trăm sáu mươi tám triệu một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó, nợ gốc là 88.066.577 đồng (tám mươi tám triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng), nợ lãi là 80.073.367 đồng (tám mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng). Việc trả tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc, bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng trả góp số 20160627-101066-4097 ngày 27/6/2016.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.406.977 đồng (tám triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.581.528 đồng (ba triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008278 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037593 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L/21).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại